TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC B** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1409/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Phương Trinh.

2. Ông Phạm Văn Chính.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Kim Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh – cơ sở 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2025/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 452/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 415/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Yến H, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân số 072192xxxxxx, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 27/12/2021.

Địa chỉ: Ấp B, xã L, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Tr, sinh ngày 26 tháng 11 năm 1986 (vắng mặt).

Căn cước công dân số 079086xxxxxx, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 21/12/2021.

Địa chỉ: ấp N, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2025, bản tự khai ngày 19/5/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Bà Đỗ Thị Yến H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2017 bà và ông Nguyễn Hoàng Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 315/2017 ngày 05/12/2017). Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai vợ chồng rất ít thời gian sống chung với nhau, thường phát sinh tranh chấp, ghen tuông. Nguyên nhân là bà và ông Tr không ở cùng nhau; chồng bà ngoại tình; cờ bạc dẫn đến nợ nần; không chăm sóc cho gia đình, con cái. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trung H1, sinh ngày 30/10/2017 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 26/7/2023.

Hiện nay 02 cháu Trung H1 và Gia B đang sống cùng bà, do bà nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện tại bà làm công việc kinh doanh du lịch tại chỗ, thu nhập khoảng 30.000.000 đồng/tháng. Với mức thu nhập trên, bà có khả năng lo được đầy đủ về vật chất tinh thần cho các con. Mặc dù, bà chưa có nhà riêng nhưng bà đang thuê nhà riêng để mẹ con cùng ở (thuê 8.000.000 đồng/tháng). Bà xác định có đủ điều kiện để chăm lo tốt cho các con nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Trung H1 và Gia B cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Tr đã được Tòa án nhân dân khu vực B – Thành phố Hồ Chí Minh (Tòa án nhân dân huyện H2, Thành phố Hồ Chí Minh cũ) triệu tập và tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng không có ý kiến đồng thời vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa xét xử sơ thẩm mà không có lý do.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn là Bà Đỗ Thị Yến H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Tr đã được Tòa án nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Việc Bà Đỗ Thị Yến H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Tr là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bởi mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung: giao cháu Nguyễn Trung H1, sinh ngày 30/10/2017 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 26/7/2023 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực B – Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đỗ Thị Yến H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Nguyễn Hoàng Tr. Ông Tr cư trú tại ấp N, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội.

[2]. Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Yến H và ông Nguyễn Hoàng Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 315/2017 ngày 05/12/2017) nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Tr là hợp pháp, quyền lợi của các bên được pháp luật bảo vệ.

[3.2]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là Bà Đỗ Thị Yến H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời khai của bà H thì sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai vợ chồng rất ít thời gian sống chung với nhau, thường phát sinh tranh chấp, ghen tuông. Nguyên nhân là bà và ông Tr không ở cùng nhau; chồng bà ngoại tình; cờ bạc dẫn đến nợ nần; không chăm sóc cho gia đình, con cái.

[3.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần giải thích, động viên bà H đoàn tụ gia đình, vợ chồng cho nhau cơ hội để hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nhau nuôi dạy con nên người nhưng bà H cho rằng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

[3.4]. Về phần ông Tr, mặc dù đã được Tòa án nhân dân khu vực B – Thành phố Hồ Chí Minh (Tòa án nhân dân huyện H2, Thành phố Hồ Chí Minh cũ) tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Tr không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đồng thời vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa xét xử sơ thẩm mà không có lý do. Trong suốt thời gian bà H nộp đơn yêu cầu ly hôn, ông Tr cũng không có bất cứ động thái nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình. Điều này chứng tỏ ông Tr cũng không còn mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân này để vợ chồng cùng vun đắp, xây dựng hạnh phúc gia đình.

[3.5]. Nhận thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Tuy nhiên, trong thời gian sống chung, ông Tr, bà H nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà và ông Tr không ở cùng nhau; ông Tr không chăm sóc cho gia đình, con cái; mặc dù là vợ chồng nhưng giữa bà H và ông Tr không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc đến nhau. Như vậy, bà H, ông Tr đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.6]. Xét mâu thuẫn chung giữa bà H và ông Tr đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà Đỗ Thị Yến H và ông Nguyễn Hoàng Tr có 02 con chung tên Nguyễn Trung H1, sinh ngày 30/10/2017 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 26/7/2023. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu Trung H1 và cháu Gia B cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi.

[4.1]. Xét yêu cầu của bà H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trung H1 và Nguyễn Gia B: Theo biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà H khai 02 cháu Trung H1 và Gia B đang sống cùng bà, do bà nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện tại bà làm công việc kinh

doanh du lịch tại chỗ, thu nhập khoảng 30.000.000 đồng/tháng. Với mức thu nhập trên, bà có khả năng lo được đầy đủ về vật chất tinh thần cho các con; bản thân cháu Trung H1 cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ, do đó để bảo đảm về điều kiện nuôi dưỡng, sự phát triển bình thường về tâm sinh lý và quyền lợi của cháu Trung H1 và cháu Gia B, Hội đồng xét xử xét yêu cầu của bà H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trung H1 và cháu Gia B là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4.2]. Do bà H chưa có yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3]. Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Vì vậy, bà H, ông Tr phải tạo điều kiện cho nhau thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[5]. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Yến H xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Yến H xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Bà Đỗ Thị Yến H là người nộp đơn yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Hoàng Tr nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[9]. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội;

- Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Bà Đỗ Thị Yến H đối với bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Tr:

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Yến H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số 315/2017, đăng ký kết hôn giữa Bà Đỗ Thị Yến H và ông Nguyễn Hoàng Tr tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/12/2017 không còn hiệu lực khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung: Bà Đỗ Thị Yến H và ông Nguyễn Hoàng Tr có 02 con chung tên Nguyễn Trung H1, sinh ngày 30/10/2017 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 26/7/2023.

Giao cháu Nguyễn Trung H1 và cháu Nguyễn Gia B cho Bà Đỗ Thị Yến H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi, ông Tr tạm thời chưa phải cấp dưỡng nuôi con do bà H chưa có yêu cầu.

Ông Nguyễn Hoàng Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Yến H xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Yến H xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Yến H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số

BLTU/24P/0083208 ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H2, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh); Bà Đỗ Thị Yến H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

7. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận :
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực B - TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực B - TP.HCM;
- UBND xã B, Tp. Hồ Chí Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huy